

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 962/2026/DS-PT  
Ngày: 28-7-2026  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục  
Ông Nguyễn Phước Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 515/2026/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 485/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số A N, khu phố C, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số E Quốc lộ B, khu phố B, phường H, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Trần Thị Thu H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E Quốc lộ B, khu phố B, phường H, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở hiện nay: B, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số E Quốc lộ B, khu phố B, phường H, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 09/02/2026).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Thanh K.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thế D trình bày:*

Vào ngày 10/4/2025, ông D cho vợ chồng ông K và bà H vay số tiền 400.000.000 đồng, hẹn tới ngày 10/10/2025 sẽ trả hết nợ gốc; lãi suất thoả thuận là 2%/tháng. Vợ chồng ông K chỉ trả lãi được 02 tháng, mỗi tháng 8.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của vợ ông D, số tài khoản 106000943888 tên Dương Thị Thu H1 vào ngày 24/5/2025 và 19/6/2025, sau đó không chuyển nữa. Ông D yêu cầu Toà án giải quyết, buộc ông K và bà H trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, tính lãi từ 10/7/2025 đến khi trả xong theo mức 2%/tháng.

*Bị đơn ông Trần Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Thị Thu H do ông Trần Thanh K đại diện trình bày:*

Ông K thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 10/4/2025 mà ông D giao nộp cho Toà án là chữ ký của ông K và bà H. Theo ông K thì ông có đề nghị ông D cho vay tiền và ký giấy vay rồi ông D sẽ chuyển tiền sau nhưng ông D không chuyển nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông D.

Đến ngày 27/01/2026, ông K thay đổi lời khai cho rằng số tiền 400.000.000 đồng theo nội dung giấy vay mà ông D nộp cho Toà án thực ra là số tiền nợ vợ chồng ông vay của ông D từ năm 2021. Do vợ chồng ông không trả được nên viết giấy nợ ngày 10/4/2025 như ông D cung cấp. Vợ chồng ông vay tiền của ông D từ năm 2021 và trả lãi từ đó theo mức 3%/tháng, sau khi viết giấy vay ngày 10/4/2025 thì mới thoả thuận lãi mức lãi là 2%/tháng và đóng lãi được 03 tháng thì ngưng. Ông K yêu cầu xem xét số tiền lãi vợ chồng ông đã chuyển cho ông D từ ngày 02/11/2022 tới năm 2022 là 321.000.000 đồng và yêu cầu trừ vào nợ lãi, nợ gốc.

Sự việc tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng các đương sự không thoả thuận với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 99a/2026/QĐ-SCBSBA ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã xử:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế D đối với ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi là 66.666.000 đồng. Tổng cộng là 466.666.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H phải chịu 22.667.000 đồng.
- Ông Nguyễn Thế D không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012328 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/5/2026, bị đơn ông Trần Thanh K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Bị đơn ông Trần Thanh K xác định nội dung kháng cáo và trình bày:* Giấy nhận nợ đề ngày 10/4/2025 là do vợ chồng ông ký tên, từ sau khi viết giấy nợ ông đã trả 02 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng chuyển khoản vào tài khoản của bà H1 là vợ của ông D 8.000.000 đồng x 2 tháng là 16.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Tuy nhiên, số tiền nợ 400.000.000 theo giấy nợ là được viết lại của số nợ cũ 350.000.000 đồng gốc và lãi của khoản nợ vay năm 2021. Trước đó, vợ chồng ông đã đóng lãi theo mức lãi suất 3%/tháng, đã đóng 292.900.000 đồng, đề nghị cần trừ vào tiền vay.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thế D trình bày:* Vợ ông K là bạn đồng nghiệp dạy cùng trường với ông. Vợ chồng ông K có vay của ông nhiều lần. Giấy nợ ngày 10/4/2025 đây là khoản vay riêng, không liên quan đến khoản vay trước đó. Ngày 10/4/2025, vợ chồng ông K vay của ông 400.000.000 đồng, ông đã giao đủ bằng tiền mặt, vợ chồng ông K đã viết giấy nợ, lãi suất 2%/tháng, đã trả lãi 02 tháng chuyển khoản vào tài khoản của bà H1 là vợ của ông thì ngưng không trả nữa và cũng không trả gốc khi đến thời hạn trả tiền. Nhiều lần ông yêu cầu vợ chồng ông K trả tiền vay thì cố tình không trả và cho rằng chỉ ký tên nhưng chưa nhận, sau đó lại cho rằng đây là nợ cũ là không phù hợp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với kháng cáo của đương sự:

Ông K, bà H cho rằng đây giấy nợ ngày 10/4/2025 là khoản nợ từ năm 2021. Ông D không thừa nhận số tiền 400.000.000 đồng viết giấy nhận nợ ngày 10/4/2025 là tiền vay từ năm 2021. Ông K ngoài lời trình bày thì không có chứng cứ gì chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định ông K và bà H có nợ ông D số tiền gốc 400.000.000 đồng vay vào ngày 10/4/2025.

Về lãi, mức 2%/tháng vượt mức 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự nên lãi trong hạn được tính theo mức 20%/năm. Ông D xác định ông K, bà H đã thanh toán 16.000.000 đồng tiền lãi; ông K cho rằng đã trả 03 tháng nhưng không chứng minh được. Sau khi khấu trừ số tiền lãi đã trả, còn phải thanh toán 17.333.000 đồng tiền lãi trong hạn.

Đến hạn ngày 10/10/2025, ông K và bà H không thanh toán nợ gốc nên phải chịu lãi quá hạn từ ngày 11/10/2025. Mức lãi 2%/tháng ông D yêu cầu không vượt quá mức pháp luật cho phép. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/4/2026, tiền lãi quá hạn là 49.333.000 đồng.

Đối với số tiền ông K cho rằng đã thanh toán 321.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm và 292.900.000 đồng tại cấp phúc thẩm, ông K không chứng minh được các khoản tiền này là tiền trả cho khoản vay 400.000.000 đồng ngày 10/4/2025. Ông D xác định các khoản vay trước đó đã được thanh toán đầy đủ. Vì vậy, không có căn cứ khấu trừ các khoản tiền này vào khoản nợ đang tranh chấp. Do đó, có căn cứ xác định ông K và bà H còn nợ ông D 400.000.000 đồng tiền gốc và 66.666.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 466.666.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh K. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh K được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thế D, ông Trần Thanh K có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Thế D khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 10/7/2025 là 66.666.000 đồng. Tổng cộng là 466.666.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Thanh K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Thanh K, thấy rằng:

[3.1] Về tiền nợ gốc:

Các đương sự trình bày thống nhất giữa ông Nguyễn Thế D với bà Lê Trần Thị Thu H và ông Trần Thanh K có xác lập Giấy nhận nợ (vay tiền) mẫu in sẵn đề ngày 10/4/2025. Ông K, bà H trình bày chính ông K và bà H ký vào giấy vay. Tuy nhiên, ông K, bà H không thống nhất số tiền vay. Ông K, bà H cho rằng ông D không giao tiền vay mà là khoản nợ vay từ năm 2021; do không trả được tiền nên ký lại giấy vay ngày 10/4/2025.

Xét thấy, ông K và bà H thừa nhận chữ ký tại giấy vay tiền ngày 10/4/2025, nội dung giấy nợ thể hiện có vay ông D 400.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 10/4/2025 đến ngày 10/10/2025, lãi suất 2%/tháng và đã nhận đủ tiền. Ông bà cho rằng đây là khoản nợ từ năm 2021 được lập lại giấy vay nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; ông D không thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định ông K, bà H vay ông D 400.000.000 đồng ngày 10/4/2025.

[3.2] Về tiền lãi:

Nội dung giấy vay tiền có thể hiện lãi suất 2%/tháng và thời hạn vay từ ngày 10/4/2025 đến ngày 10/10/2025 nên xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

Về lãi trong hạn: Ông D, ông K, bà H thống nhất lãi vay là 2%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 thì các đương sự được thỏa thuận mức lãi suất cho vay nhưng không được vượt quá 20%/năm. Mức lãi các đương sự thỏa thuận 2%/tháng vượt quá quy định pháp luật nên lãi trong hạn được xác định là 20%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và ông K trình bày thống nhất ông K, bà H đã trả lãi được 02 tháng, thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của vợ ông D, số tài khoản 106000943888 tên Dương Thị Thu H1 vào ngày 24/5/2025 và 19/6/2025 với tổng tiền lãi đã trả là 16.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi đã trả, còn phải thanh toán 17.333.000 đồng tiền lãi trong hạn.

Về lãi quá hạn: Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn. Mức lãi suất quá hạn ông D yêu cầu 2%/tháng thấp hơn so với mức pháp luật cho phép, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D là có lợi cho bị đơn.

Số tiền lãi quá hạn ông K, bà H phải trả cho ông D từ ngày 11/10/2025 đến ngày xét xử 15/4/2026 là: 400.000.000 đồng x 2%/tháng x 06 tháng 05 ngày = 49.333.000 đồng.

[3.3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông K cho rằng đã trả lãi cho ông D tổng số tiền 321.000.000 đồng từ ngày 02/11/2022 đến khi viết giấy nợ mới và yêu cầu trừ vào nợ lãi, nợ gốc. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K thay đổi lời khai cho rằng đã trả cho D số tiền 292.900.000 đồng. Trong khi đó, ông D xác định các khoản vay trước tháng 4/2025, ông K, bà H đã trả đủ tiền vay và tiền lãi, riêng số tiền vay theo giấy nợ ngày 10/4/2025 ông K, bà H chỉ trả 02 tháng tiền lãi thì ngưng không trả nữa nên mới phát sinh tranh chấp. Ông K không chứng minh đã trả lãi của khoản vay 400.000.000 đồng như ông trình bày nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khấu trừ tiền lãi của ông K.

Từ những phân tích nêu trên, Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc ông K và bà H trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và lãi là 66.666.000 đồng, tổng cộng là 466.666.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc ông K và bà H trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và lãi là 66.666.000 đồng, tổng cộng là 466.666.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông K kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông K phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế D đối với ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); tiền lãi là 66.666.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tổng

cộng là 466.666.000 đồng (bốn trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Trần Thanh K và bà Lê Trần Thị Thu H phải chịu 22.667.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Thế D không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012328 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**3. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Trần Thanh K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012409 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**5. Về hiệu lực của bản án:** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**